

Số: 18 /2026/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về quản lý hoạt động cấp nước sạch
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương;

Căn cứ Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

Căn cứ Thông báo số 617/TB-VP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Văn phòng UBND thành phố về việc Kết luận của Phó Chủ tịch UBND thành phố Lê Quang Nam – Trưởng ban Ban chỉ đạo cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch thành phố Đà Nẵng tại cuộc họp tổng kết hoạt động năm 2025 và triển khai thực hiện nhiệm vụ năm 2026;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 10802/TTr-SXD ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc dự thảo Quyết định ban hành Quy định quản lý hoạt động cấp nước sạch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và trên cơ sở thống nhất của các Ủy viên UBND thành phố (Công văn số 59/VP-ĐTĐT ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Văn phòng UBND thành phố);

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định ban hành Quy định quản lý hoạt động cấp nước sạch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động cấp nước sạch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 02 năm 2026. Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2018 của UBND thành phố Đà Nẵng Ban hành Quy định về quản lý hoạt động cấp nước sạch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các phường, xã, đặc khu; Thủ trưởng các tổ chức, cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /m

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra VB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- UBND các phường, xã, đặc khu;
- Báo và phát thanh, truyền hình Đà Nẵng;
- Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, SXD, ĐTĐT.



Lê Quang Nam

AS 15

QUY ĐỊNH

Về quản lý hoạt động cấp nước sạch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 27 tháng 04 năm
2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết một số nội dung về quản lý hoạt động cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh (sau đây gọi tắt là hệ thống cấp nước) tại khu vực đô thị, khu vực nông thôn và khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế (sau đây gọi tắt là khu công nghiệp) trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Các nội dung không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ (Nghị định số 117/2007/NĐ-CP) và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước sạch gồm: Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) và các cơ quan khác có liên quan.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động cấp nước sạch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý hệ thống cấp nước

1. Nguyên tắc hoạt động và chính sách phát triển ngành nước thực hiện theo Điều 3 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

2. Nhà nước có trách nhiệm định hướng phát triển hệ thống cấp nước nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng.

3. Việc phát triển hệ thống cấp nước phải thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục; có phương án dự phòng, ứng phó sự cố và biến đổi khí hậu.

5. Tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản lý vận hành hệ thống cấp nước, đảm bảo cấp nước an toàn.

6. Nghiêm cấm mọi hành vi vi phạm về bảo vệ mạng lưới cấp nước. Các hành vi vi phạm ảnh hưởng đến an toàn cấp nước được xử lý nghiêm theo các quy định hiện hành.

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Tổ chức và phân cấp quản lý hoạt động cấp nước sạch

1. Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm trong việc thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước sạch trên địa bàn thành phố, có phân cấp quản lý về hoạt động cấp nước sạch theo quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

2. Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước sạch đô thị trên địa bàn thành phố.

Tổ chức quản lý nhà nước đối với công trình cấp nước đô thị nằm trên địa giới hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường là các cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn thành phố.

Tổ chức quản lý nhà nước đối với công trình cấp nước nông thôn nằm trên địa giới hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên.

4. Các Ban quản lý Khu công nghiệp là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước sạch trong phạm vi khu công nghiệp do đơn vị quản lý.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý hoạt động cấp nước đối với công trình cấp nước nằm toàn bộ trên địa giới hành chính của xã, phường do mình quản lý.

6. Đơn vị cấp nước thực hiện các hoạt động cấp nước đối với hệ thống cấp nước trong phạm vi đã ký Thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với cấp có thẩm quyền.

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Tham mưu UBND thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước sạch đô thị trên địa bàn thành phố. Tổ chức quản lý nhà nước đối với công trình cấp nước đô thị nằm trên địa giới hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên.

2. Tổ chức thẩm định các nhiệm vụ, đồ án quy hoạch cấp nước trên địa bàn thành phố.

3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức xây dựng và trình UBND thành phố ban hành các văn bản quy định về quản lý hệ thống cấp nước sạch đô thị trên địa bàn thành phố.

4. Tổ chức, tham mưu UBND thành phố chỉ đạo thực hiện việc bảo đảm cấp nước an toàn trên địa bàn thành phố; triển khai các nội dung, chương trình chống thất thoát, thất thu nước sạch đô thị trên địa bàn thành phố.

5. Tham mưu UBND thành phố trong việc thực hiện ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước đô thị nằm trên địa giới hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên.

6. Tham mưu UBND thành phố tổ chức lựa chọn đơn vị cấp nước đối với các công trình cấp nước đô thị trên địa bàn thành phố có phạm vi cấp nước liên tỉnh có nhà máy nước hoặc trạm bơm nước nằm trên địa bàn thành phố, các công trình cấp nước đô thị có phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên.

7. Kiểm tra, tham mưu cho UBND thành phố xem xét, chấp thuận bằng văn bản đối với Hợp đồng dịch vụ cấp nước giữa đơn vị cấp nước bán buôn và đơn vị cấp nước bán lẻ trong trường hợp Ủy ban nhân dân thành phố đã ký Thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với đơn vị cấp nước bán lẻ.

8. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật cấp nước đô thị và khu công nghiệp trên địa bàn thành phố.

9. Chủ trì, phối hợp với UBND cấp xã, các đơn vị liên quan giám sát việc thực hiện Thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước của đơn vị cấp nước đô thị do UBND thành phố ký kết, bảo đảm các dịch vụ cấp nước đầy đủ, có sẵn để sử dụng, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của cộng đồng.

10. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan thẩm định phương án giá bán nước sạch sinh hoạt tại khu vực đô thị trên địa bàn thành phố, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

11. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn cơ chế ưu đãi cụ thể cho các dự án cấp nước đô thị; khuyến khích, tạo điều kiện các tổ chức, cá nhân chủ động nghiên cứu, đăng ký làm chủ đầu tư các dự án đầu tư phát triển cấp nước đô thị.

12. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về cấp nước; phát hiện, ngăn chặn, xử lý theo thẩm quyền và xử lý các vi phạm pháp luật về cấp nước; kiến nghị các biện pháp bảo đảm thi hành pháp luật về cấp nước đối với hệ thống cấp nước theo phân cấp quản lý.

13. Chủ trì xây dựng cơ sở dữ liệu về hệ thống cấp nước đô thị trên địa bàn thành phố.

14. Tổng hợp, báo cáo hằng năm (trước ngày 30 tháng 12) về tình hình hoạt động cấp nước sạch đô thị trên địa bàn thành phố cho Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Xây dựng hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Tham mưu UBND thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn thành phố. Tổ chức quản lý nhà nước đối với công trình cấp nước nông thôn nằm trên địa giới hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên.

2. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức xây dựng và trình UBND thành phố ban hành các văn bản quy định về quản lý hệ thống cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn thành phố.

3. Tổ chức, tham mưu UBND thành phố triển khai các nội dung, chương trình chống thất thoát, thất thu nước sạch nông thôn trên địa bàn thành phố.

4. Tham mưu UBND thành phố trong việc thực hiện ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước nông thôn nằm trên địa giới hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên.

5. Tham mưu UBND thành phố tổ chức lựa chọn đơn vị cấp nước đối với các công trình cấp nước nông thôn trên địa bàn thành phố có phạm vi cấp nước liên tỉnh có nhà máy nước hoặc trạm bơm nước nằm trên địa bàn thành phố, các công trình cấp nước nông thôn có phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên.

6. Chủ trì, phối hợp với UBND cấp xã, các đơn vị liên quan giám sát việc thực hiện Thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước của đơn vị cấp nước nông thôn do UBND thành phố ký kết, bảo đảm các dịch vụ cấp nước đầy đủ, có sẵn để sử dụng, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của cộng đồng.

7. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan thẩm định phương án giá bán nước sạch sinh hoạt tại khu vực nông thôn, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

8. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định nhu cầu sử dụng đất xây dựng công trình cấp nước để cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất; thẩm định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất xây dựng công trình cấp nước theo quy định.

9. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn cơ chế ưu đãi cụ thể cho các dự án cấp nước nông thôn; khuyến khích, tạo điều kiện các tổ chức, cá nhân chủ động nghiên cứu, đăng ký làm chủ đầu tư các dự án đầu tư phát triển cấp nước nông thôn.

10. Thực hiện các chức năng về quản lý nguồn nước theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

11. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về cấp nước; phát hiện, ngăn chặn, xử lý theo thẩm quyền và xử lý các vi phạm pháp luật về cấp nước; kiến nghị các biện pháp bảo đảm thi hành pháp luật về cấp nước trên địa giới hành chính của xã, phường do mình quản lý theo phân cấp.

12. Chủ trì xây dựng cơ sở dữ liệu về hệ thống cấp nước nông thôn trên địa bàn thành phố.

13. Tổng hợp, báo cáo hằng năm (trước ngày 20 tháng 12) và đột xuất về tình hình hoạt động cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn thành phố cho Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Xây dựng hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Y tế

1. Tham mưu UBND thành phố xây dựng các văn bản quy định về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn thành phố theo hướng dẫn của Bộ Y tế. Hướng dẫn, triển khai việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn của ngành Y tế liên quan đến chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

2. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện kiểm tra, giám sát, ngoại kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo quy định.

3. Tổng hợp, đánh giá và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về chất lượng nước sạch sinh hoạt của các đơn vị cung cấp nước sạch trên địa bàn theo định kỳ (trước ngày 20 tháng 01 của năm tiếp theo) hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Rà soát, có ý kiến về trình tự, thủ tục thẩm định phương án giá nước sạch do Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thẩm định gửi lấy ý kiến.

2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan thẩm định và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình cấp nước và thực hiện quyết toán đối với các công trình cấp nước được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách theo quy định.

3. Tham mưu bố trí kế hoạch vốn để thực hiện việc đầu tư các dự án cấp nước trên địa bàn thành phố theo quy hoạch, kế hoạch và chủ trương của UBND thành phố.

Điều 9. Trách nhiệm của các Ban quản lý Khu công nghiệp

1. Tổ chức quản lý hệ thống cấp nước trong phạm vi khu công nghiệp do đơn vị quản lý.

2. Phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước ngắn hạn và dài hạn do đơn vị cấp nước lập trong phạm vi quản lý.

3. Lựa chọn đơn vị cấp nước để phục vụ nhu cầu cấp nước trong phạm vi quản lý.

4. Ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với đơn vị cấp nước trong phạm vi quản lý.

5. Thỏa thuận nội dung kế hoạch cấp nước an toàn và dịch vụ cấp nước trong phạm vi quản lý, đảm bảo các dịch vụ cấp nước đầy đủ, có sẵn để sử dụng, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của các doanh nghiệp. Triển khai thực hiện, tổ chức giám sát kế hoạch cấp nước an toàn trên địa bàn theo nội dung thỏa thuận.

6. Chỉ đạo các lực lượng có chức năng thường xuyên kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn kịp thời và xử lý theo thẩm quyền về các hành vi sử dụng nước trái

phép, thi công xây dựng ảnh hưởng đến đường ống cấp nước trên địa bàn quản lý.

7. Chủ trì xây dựng cơ sở dữ liệu về hệ thống cấp nước trong phạm vi quản lý.

8. Báo cáo hằng năm (trước ngày 20 tháng 12) về tình hình hoạt động cấp nước trên địa bàn khu công nghiệp về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Xây dựng hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 10. Trách nhiệm của Thanh tra thành phố

Thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành cấp nước đô thị và khu công nghiệp, cấp nước nông thôn theo quy định tại Điều 61 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ.

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý hoạt động cấp nước đối với công trình cấp nước nằm toàn bộ trên địa giới hành chính của xã, phường do mình quản lý.

2. Tổ chức thực hiện ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước khi công trình cấp nước có phạm vi cấp nước nằm toàn bộ trên địa giới hành chính của xã, phường do mình quản lý.

3. Tổ chức lựa chọn đơn vị cấp nước đối với các công trình cấp nước có phạm vi cấp nước nằm toàn bộ trên địa giới hành chính của xã, phường do mình quản lý.

4. Giám sát việc thực hiện Thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước đã ký kết trên địa bàn do mình quản lý, bảo đảm các dịch vụ cấp nước đầy đủ, có sẵn để sử dụng, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của cộng đồng.

5. Có trách nhiệm phối hợp thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn theo nhiệm vụ do UBND thành phố giao và tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn trên địa bàn do mình quản lý.

6. Hỗ trợ, phối hợp với đơn vị cấp nước kịp thời giải quyết các sự cố về đường ống nước, công trình cấp nước,... nhằm đảm bảo cung cấp nước liên tục.

7. Tổ chức phổ biến, công khai đến người dân thực hiện quy trình tham gia ý kiến và giám sát cộng đồng gồm: Quy hoạch cấp nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước đã được ký kết với đơn vị cấp nước; quá trình triển khai thực hiện các dự án cấp nước; chất lượng dịch vụ cung cấp nước sạch theo quy định tại Thông tư số 01/2008/TT-BXD và Thông tư số 09/2025/TT-BXD.

8. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về cấp nước; phát hiện, ngăn chặn, xử lý theo thẩm quyền và xử lý các vi phạm pháp luật về cấp nước; kiến nghị các biện pháp bảo đảm thi hành pháp luật về cấp nước trên địa giới hành chính của xã, phường do mình quản lý theo phân cấp.

9. Chủ trì xây dựng cơ sở dữ liệu về hệ thống cấp nước trên địa bàn thành phố theo phân cấp quản lý; gửi cho Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi

trường để cập nhật vào cơ sở dữ liệu về hệ thống cấp nước trên địa bàn thành phố.

10. Báo cáo hằng năm (trước ngày 20 tháng 12) về tình hình hoạt động cấp nước trên địa bàn về Sở Xây dựng (đối với cấp nước đô thị), Sở Nông nghiệp và Môi trường (đối với cấp nước nông thôn) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Xây dựng hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 12. Trách nhiệm của đơn vị cấp nước

1. Thực hiện các nghĩa vụ của đơn vị cấp nước theo khoản 2 Điều 55 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

2. Lập thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước trình các cấp có thẩm quyền trong phạm vi phục vụ của đơn vị. Trường hợp một đơn vị cấp nước có nhiều vùng phục vụ cấp nước thuộc các đơn vị hành chính độc lập khác nhau thì tiến hành ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với từng đơn vị hành chính độc lập đó.

3. Lập và trình Ủy ban nhân dân đã ký Thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với mình phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước hàng năm và dài hạn trong vùng phục vụ của đơn vị.

4. Lập phương án giá nước sạch sinh hoạt, điều chỉnh phương án giá nước sạch sinh hoạt sau khi thống nhất với bên ký văn bản thỏa thuận dịch vụ cấp nước, trình Sở Xây dựng hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định theo thẩm quyền để trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định.

5. Tham gia ý kiến về quy hoạch cấp nước trên địa bàn thành phố theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 55 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

6. Lập kế hoạch cấp nước an toàn, xây dựng lộ trình triển khai kế hoạch cấp nước an toàn phù hợp với điều kiện cụ thể của hệ thống cấp nước trong phạm vi quản lý; triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn sau khi được phê duyệt.

7. Phối hợp các đơn vị liên quan bảo vệ sự an toàn tuyệt đối công trình cấp nước và các khu vực hành lang an toàn cấp nước nằm trong vùng phục vụ cấp nước do đơn vị quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 57 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

8. Thường xuyên kiểm tra, giám sát chất lượng nước thô theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo quy định của Bộ Y tế; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo quy định. Trường hợp mẫu nước không đạt theo quy định, đơn vị phải kịp thời thực hiện các biện pháp xử lý khẩn cấp và báo cáo ngay cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Thực hiện công bố hợp quy về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo quy định.

9. Phối hợp với các cơ quan liên quan lập vùng phục vụ cấp nước do đơn vị quản lý; gửi Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để phục vụ công tác quản lý.

10. Trong phạm vi trách nhiệm của mình phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng và trường học tổ chức phổ biến, giáo dục, hướng dẫn nhân dân bảo vệ công trình cấp nước, sử dụng nước tiết kiệm và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về cấp nước.

11. Khuyến khích doanh nghiệp, đơn vị cấp nước ứng dụng công nghệ như SCADA và GIS trong quản lý vận hành hệ thống cấp nước, đảm bảo cấp nước an toàn.

12. Xây dựng cơ sở dữ liệu về hệ thống cấp nước đô trong phạm vi quản lý.

13. Thường xuyên cập nhật và cung cấp bản đồ hiện trạng mạng lưới cấp nước trong phạm vi quản lý cho Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã (đơn vị hành chính có hệ thống cấp nước trên địa giới hành chính) theo định kỳ mỗi Quý một lần.

14. Báo cáo hằng năm (trước ngày 20 tháng 12) về tình hình hoạt động cấp nước của đơn vị về Sở Xây dựng (đối với cấp nước đô thị), Sở Nông nghiệp và Môi trường (đối với cấp nước nông thôn) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Xây dựng hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế và các đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.